TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày 31 tháng 05 năm 2023
"*V/v tranh chấp đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Danh On**
2. Bà **Lê Thúy Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Văn Quy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 05 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 61/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 04 năm 2023 về việc tranh chấp đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị H** (tên thường gọi: Cẩm H), sinh năm 1975 *(Có mặt)*.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đồng bị đơn: Ông **Dương Văn S**, sinh năm 1957 *(Có mặt)*
Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1963 *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Dương Văn S1**, sinh năm 1970 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày*:**

Bà Huỳnh Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà H 01 cây vàng 24K mà trước đây vợ chồng bà Huỳnh Thị H, ông Dương Văn S1 cho vợ chồng ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V mượn. Vợ chồng bà H cho vợ chồng ông S, bà V mượn 01 cây vàng 24K vào ngày 16/02/2002. Thời điểm vợ chồng bà H cho vợ chồng ông S, bà V mượn vàng thì hai bên không có làm giấy tờ vì chồng bà H ông Dương Văn S1 là em ruột của

ông Dương Văn S. Sau đó đến khoảng năm 2004 – 2005 *(thời điểm khoảng năm 2004 – 2005 thì vợ chồng bà H, ông S1 mâu thuẩn chuyện gia đình với nhau và sống ly thân)* thì bà H có đến nhà của vợ chồng ông S, bà V yêu cầu vợ chồng ông S, bà V làm biên nhận có mượn của vợ chồng bà H, ông S1 01 cây vàng 24K. Giấy mượn vàng này do ông Dương Văn S ký nhận với bà Huỳnh Thị H.

Sau khi cho mượn vàng thì bà H, ông S1 nhiều lần liên hệ với vợ chồng ông S, bà V để yêu cầu trả số vàng nêu trên, tuy nhiên vợ chồng ông S, bà V cứ hứa hẹn nhiều lần mà không trả. Mặc khác, sau khi vợ chồng bà H, ông S1 ly hôn *(vợ chồng bà H, ông S1 được Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân giải quyết cho ly hôn tại bản án số 26/2013/HNGĐ-ST ngày 13/9/2013)* thì số vàng mà bà H kiện đòi vợ chồng ông S, bà V nêu trên ông S1 có thỏa thuận cho bà H được hưởng toàn bộ số vàng này.

Bà H không đồng ý về việc ông S, bà V trình bày ông S, bà V đã trả 01 cây vàng 24K thông qua mẹ chồng của bà H là bà Trần Thị G nhận *(bà G hiện tại đã chết)*. Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác.

Đồng bị đơn ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V thống nhất trình bày:

Ông, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện đòi 01 cây vàng 24K của bà Huỳnh Thị H. Ông, bà thừa nhận trước đây vào năm 2004 *(thời điểm này vợ chồng ông, bà chưa ly hôn với nhau. Vợ chồng ông, bà đã được Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân giải quyết cho ly hôn tại bản án số 09/2020/HNGĐ-ST ngày 09/3/2020)* thì ông, bà có mượn của vợ chồng bà Huỳnh Thị H, ông Dương Văn S1 01 cây vàng 24K. Việc ông, bà mượn 01 cây vàng 24K của vợ chồng ông S1, bà H không có làm giấy tờ gì vì ông S là anh ruột của ông S1. Sau đó vợ chồng ông S1, bà H ly hôn với nhau thì ông S1 có nói với ông, bà 01 cây vàng 24K mà ông, bà mượn của vợ chồng ông S1, bà H nêu trên vợ chồng ông S1, bà H đã thỏa thuận cho ông S1 toàn quyền quyết định.

Sau khi ông S1, bà H ly hôn với nhau thì ông S1 ở chung với mẹ ruột ông S1 và cũng là mẹ ruột của ông S là bà Trần Thị G *(bà G đã chết)*, còn bà H thì ở nơi khác. Sau khi ông S1, bà H ly hôn thì ông S, bà V nhiều lần qua nhà bà Trần Thị G để trả vàng cho ông S1 nhưng ông S1 đều vắng nhà và ông, bà cũng không liên lạc được với ông S1 thời điểm đó. Sau nhiều lần mang vàng qua trả nhưng không gặp ông S1 thì mẹ ruột của ông S và ông S1 là bà G có nói với ông, bà là ông S1 còn thiếu vàng của bà G nên bà G có kêu ông S, bà V đưa 01 cây vàng 24K này cho bà G nhận để bà G cấn trừ số vàng mà trước đó ông S1 đã mượn của bà G nên ông, bà đã trả 01 cây vàng 24K này cho bà Trần Thị G nhận. Ông, bà không nhớ rõ thời gian ông, bà đưa 01 cây vàng 24K này cho bà G nhận. Lúc ông, bà đưa 01 cây vàng 24K cho bà G nhận thì ông, bà cũng không biết có ai chứng kiến hay không, nhưng theo ông, bà nhớ thì lúc đưa vàng chỉ có ông, bà và bà G. Việc ông, bà đưa 01 cây vàng 24K cho bà G nhận cũng không có làm giấy tờ gì vì là mẹ con với nhau. Sau khi ông, bà đưa 01 cây vàng 24K cho bà G thì sau đó bà Nguyễn Thị V có gặp ông S1 và thông báo lại sự việc trên với ông S1, lúc đó ông S1 cũng không có nói gì với ông, bà. Đối với bà H thì ông, bà không có nói lại sự việc nêu trên.

Ông S, bà V mượn số vàng trên là vào năm 2004 chứ không phải năm 2002. Chữ ký và họ tên "Dương Văn S" tại mục "người mượn" trong biên nhận mượn vàng mà bà H cung cấp cho Tòa án không phải do ông Dương Văn S ký và ghi. Từ trước đến nay ông S, bà V chỉ có mượn của vợ chồng bà H, ông S1 01 cây vàng 24K vào năm 2004 như nêu trên chứ không có lần nào khác mượn vàng của vợ chồng ông S1, bà H. Khi Tòa án giải quyết cho ông S, bà V ly hôn thì về tài sản chung ông, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn S1 trình bày: Ông S1 thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện đòi vàng của bà Huỳnh Thị H đối với vợ chồng ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V. 01 cây vàng 24K mà bà H khởi kiện vợ chồng ông S, bà V nêu trên là tài sản chung của ông S1, bà H trong thời kỳ hôn nhân. Trước đây khi ông S1, bà H chưa ly hôn thì vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V mượn 01 cây vàng 24K. Việc vợ chồng ông S, bà V mượn vợ chồng ông S1, bà H 01 cây vàng 24K hai bên có làm giấy mượn vàng đề ngày 16/02/2002, giấy mượn vàng này bà H đã có cung cấp cho Tòa án. Sau khi ly hôn *(vợ chồng ông S1, bà H được Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân giải quyết cho ly hôn tại bản án số 26/2013/HNGĐ-ST ngày 13/9/2013)* thì giữa ông S1 và bà H có thỏa thuận, bà H được hưởng toàn bộ số vàng mà vợ chồng ông S1, bà H cho vợ chồng ông S, bà V mượn nêu trên.

Ông S1 không đồng ý về việc vợ chồng ông S, bà V trình bày sau khi vợ chồng ông S1, bà H ly hôn thì ông S1 có gặp vợ chồng ông S, bà V nói 01 cây vàng 24K mà vợ chồng ông S1 cho vợ chồng ông S, bà V mượn nêu trên vợ chồng ông S1 thỏa thuận cho ông S1 được toàn quyền quyết định. Ông S1 cũng không đồng ý về việc vợ chồng ông S, bà V trình bày đã trả 01 cây vàng 24K cho ông S1 thông qua mẹ ruột của ông S1 và cũng là mẹ ruột của ông S là bà Trần Thị G nhận. Từ lúc vợ chồng ông S1, bà H ly hôn cho đến khi bà G chết, ông S1 không hề nghe bà G nói gì về việc vợ chồng ông S, bà V đã gửi trả 01 cây vàng 24K cho ông S1 thông qua bà G nhận.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với vợ chồng ông S, bà V thì bà H được toàn quyền sở hữu đối với số vàng này vì ông S1 và bà H đã thỏa thuận với nhau bà H được toàn quyền sở hữu đối với số vàng này. Ngoài ra ông S1 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V. Buộc ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị V mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H 05 chỉ vàng 24K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V phải trả cho bà H 01 cây vàng 24K nên đây là quan hệ tranh chấp đòi tài sản đồng thời đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện Hồng Dân nên căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Về nội dung vụ án:

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H yêu cầu ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V trả cho bà H 01 cây vàng 24K*, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Huỳnh Thị H có cung cấp cho Tòa án biên nhận mượn vàng đề ngày 16/2/2002 giữa bà H với ông S (Bút lục số 01).

Quá trình giải quyết vụ án ông S, bà V cho rằng biên nhận mượn vàng đề ngày 16/2/2002 mà bà H cung cấp cho Toà án thì chữ ký và họ tên Dương Văn S ở mục "người mượn" không phải do ông S ký và ghi. Tuy nhiên, ông S, bà V thừa nhận vào năm 2004 vợ chồng ông, bà có mượn của vợ chồng ông S1, bà H 01 cây vàng 24K, khi mượn vàng thì hai bên không có làm giấy tờ vì ông S là anh ruột của ông S1. Từ trước đến nay ông S, bà V chỉ có một lần duy nhất mượn vàng của vợ chồng ông S1, bà H nêu trên chứ không có lần nào khác mượn vàng của vợ chồng ông S1, bà H. Do đó, có cơ sở xác định vợ chồng ông S1, bà H có cho vợ chồng ông S, bà V mượn 01 cây vàng 24K.

Ông S, bà V cho rằng ông, bà đã trả 01 cây vàng 24K cho vợ chồng ông S1, bà H thông qua mẹ ruột của ông S1 và ông S là bà Trần Thị G nhận sau khi vợ chồng bà H, ông S1 ly hôn với nhau. Đồng thời ông S, bà V có cung cấp nhân chứng biết việc vợ chồng ông, bà đã trả 01 cây vàng 24K cho vợ chồng ông S1, bà H thông qua bà Trần Thị G nhận là bà Dương Thị A *(bà A là em ruột của ông S và là chị ruột của ông S1)*. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 25/5/2023 đối với bà Dương Thị A thì Toà án được bà A cho biết, vào năm 2013 bà Trần Thị G ở tại nhà bà A để bà A tiện bề chăm sóc cho mẹ, trong khoản thời gian bà G ở tại nhà bà A thì bà G có kêu bà A nói lại với ông S1 lên nhà bà A gặp bà G để cấn trừ 01 cây vàng mà ông S thiếu ông S1 chứ bà A không có trực tiếp chứng kiến việc vợ chồng ông S, bà V trả 01 cây vàng 24K cho ông S1 thông qua bà G nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông S, bà V xác định đã trả 01 cây vàng 24K cho vợ chồng ông S1, bà H thông qua bà Trần Thị G nhận nhưng hiện tại bà G đã chết nên Toà án không thể xác minh đối chứng và cũng không có ai trực tiếp chứng kiến ông S, bà V đã trả 01 cây vàng 24K cho vợ chồng ông S1, bà H thông qua bà Trần Thị G nhận. Về phía vợ chồng ông S1, bà H thì không đồng ý với lời trình bày của ông S, bà V đã trả 01 cây vàng 24K cho vợ chồng ông, bà thông qua bà G nhận. Vì vậy việc ông S, bà V cho rằng đã trả 01 cây vàng 24K cho vợ chồng ông S1, bà H thông

qua bà Trần Thị G nhận là không có cơ sở chấp nhận. Do đó việc bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V trả cho bà Huỳnh Thị H 01 cây vàng 24K là có căn cứ.

Hội đồng xét xử thấy, 01 cây vàng 24K mà bà H khởi kiện đối với vợ chồng ông S, bà V là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông S1, bà H, tuy nhiên qua trình giải quyết vụ án ông S1 và bà H thống nhất xác định sau khi vợ chồng ông, bà ly hôn thì ông, bà có thoả thuận số vàng này bà H được hưởng toàn bộ. Xét thấy, việc thoả thuận này của ông S1, bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội do đó cần được ghi nhận.

Về phía ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V thống nhất xác định, 01 cây vàng 24K mà ông, bà mượn của vợ chồng ông Dương Văn S1, bà Huỳnh Thị H nêu trên là nợ chung của ông, bà trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên hiện tại ông, bà đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn và khi ly hôn về tài sản vợ chồng ông, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần nên buộc ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị V mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H 05 chỉ vàng 24K là phù hợp.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí do ông, bà thuộc trường hợp người cao tuổi và ông, bà có đơn xin miễn án phí. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị V.

Buộc ông Dương Văn S và bà Nguyễn Thị V mỗi người có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H 05 chỉ vàng 24K.

2. Về án phí:

Các đương sự không phải chịu án phí. Bà Huỳnh Thị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0010559 ngày 11/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các có đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh